TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÈO VẠC** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2024
"Về tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Yên
Các Hội thẩm nhân dân: ông Ngô Chí Cường, bà Sùng Thị Máy
- ***Thư ký phiên tòa***: bà Trần Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang*** *tham gia phiên tòa*: ông Vừ Mí Sính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trần Thanh H, sinh năm 1984
Địa chỉ: tổ 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh H1;
CCCD số 00..., Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày ...; có mặt.
2. Bị đơn: chị Hầu Thị H2, sinh năm 1982
Địa chỉ: tổ 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh H1;
Số định danh cá nhân: 00...; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Thanh H trình bày:

Anh và chị Hầu Thị H2 đăng ký kết hôn ngày 02/5/2012 tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh H1, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống bình thường, từ cuối năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không còn hạnh phúc, đến tháng 7/2022 chị H2 không còn muốn tiếp tục sinh sống cùng anh nên chị đã bỏ nhà, bỏ gia đình anh chị em để đi nơi khác, anh đã đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị H2, đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm nhưng không có kết quả, chị H2 không có liên lạc gì. Trước đó vào năm 2021 chị H2 đã gửi đơn ra Tòa xin ly hôn, vợ chồng muốn cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nên chị H2 đã rút đơn về. Việc chị H2 bỏ đi làm ảnh hưởng đến bản thân anh, anh không còn tình cảm với chị H, nên anh đề

nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hầu Thị H2, anh nhất quyết ly hôn với chị H2.

Anh chị không có con chung, cũng không có tranh chấp về tài sản, không đề nghị giải quyết.

Về công nợ chung, anh chị không có, chị không đề nghị giải quyết.

Bị đơn chị Hầu Thị H2 vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa...), niêm yết tại tổ 2, UBND thị trấn M, trụ sở Tòa án và lập biên bản theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Thanh H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2024, người nhà chị Hầu Thị H2 cho biết: trong thời gian chung sống anh H và chị H2 không xảy ra mâu thuẫn, đến khoảng tháng 6/2022 chị H2 bỏ đi, không thông báo hay liên lạc với ai, đến nay vẫn không có tin tức gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên căn cứ vào điều 51, điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, điều 28, 35, 39, 147, 227 BLTTDS, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh H, cho anh H ly hôn; anh chị không có con chung, không tranh chấp về tài sản chung, không có công nợ chung nên không xem xét; anh H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Trần Thanh H yêu cầu được ly hôn với chị Hầu Thị H2, là tranh chấp được quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú (nơi cư trú cuối cùng) tại địa bàn huyện Mèo Vạc, theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc.

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ, niêm yết công khai văn bản tố tụng cho bị đơn Hầu Thị H2, theo quy định tại điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, lập biên bản theo quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, là tống đạt hợp lệ. Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị H2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thanh H và chị Hầu Thị H2 xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/5/2012 tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh H1, là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh H: Mâu thuẫn vợ chồng anh chị xảy ra từ cuối năm 2021, chị H2 đã một lần gửi đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, đến tháng 6 năm 2022 chị H2 bỏ đi khỏi nơi cư trú đến nay không có tin tức gì, thể hiện việc chị H2 không còn muốn hàn gắn gia đình. Vợ chồng anh chị không còn sống cùng nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, anh H không còn tình cảm với chị H2 và kiên quyết ly hôn, thấy rằng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của anh Trần Thanh H là có cơ sở được chấp nhận, theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[5] Con chung: anh chị không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tài sản chung: anh chị không có tranh chấp, anh Hùng không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Công nợ chung: Anh chị không có, anh H không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí: anh Trần Thanh H phải chịu án phí theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mèo Vạc là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51, khoản 1 điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 147, khoản 2 điều 227, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phía Tòa án,

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Thanh H được ly hôn với chị Hầu Thị H2.

2. Con chung: anh chị không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: anh chị không có tranh chấp, anh Hùng không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Công nợ chung: Không có, không xem xét.

5. Án phí: Anh Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dã nộp theo Biên lai số 0003808 ngày 09/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Mèo Vạc;
- Chi cục THADS huyện Mèo Vạc;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND TT Mèo Vạc);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Yên